

Phụ lục I
DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHYT

(Ban hành kèm theo Công văn số /BHXH-QLT ngày / của BHXH Việt Nam)

STT	NGƯỜI THAM GIA	Mã khối thống kê	Mã khối quản lý, mã đối tượng	Mức hưởng
I	Nhóm do người sử dụng lao động đóng hoặc người lao động đóng hoặc cùng đóng			
1	Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên làm việc trọn thời gian hoặc không trọn thời gian nhưng có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất; người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp có hưởng và không hưởng tiền lương trong các doanh nghiệp nhà nước	01	DN	80%
2	Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên làm việc trọn thời gian hoặc không trọn thời gian nhưng có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất; người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp có hưởng và không hưởng tiền lương trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	02	DD	80%
3	Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên làm việc trọn thời gian hoặc không trọn thời gian nhưng có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất; người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp có hưởng và không hưởng tiền lương trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh	03	DQ	80%
4	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã có hưởng và không hưởng tiền lương	06	HX	80%

5	Người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam khi làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam, trừ trường hợp là người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam hoặc tại thời điểm giao kết hợp đồng lao động đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác	05	NN	80%
6	Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội	41	CD	80%
7	Cán bộ, công chức, viên chức;	04	HC	80%
8	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của pháp luật	34	XK	80%
II	Nhóm do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng			
9	Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng	26	HT	95%
10	Người nghỉ việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng	36	TB	80%
11	Người nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động bị mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày hoặc người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội	38	NO	80%
12	Người nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội	78	NT	80%
13	Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng	71	XB	80%
14	Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp	33	TN	80%
15	Công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định của Chính phủ	75	CS	80%
III	Nhóm do ngân sách Nhà nước đóng			
16	Dân quân thường trực	53	QD	100%
17	Người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh khi điều trị vết thương, bệnh tật tái phát; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	18	CC	100%
18	Người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, trừ các đối tượng được cấp mã CC	18	CK	100%
19	Cựu chiến binh theo quy định pháp luật về cựu chiến binh	21	CB	100%
20	Người tham gia kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và các đối tượng khác đã được ngân sách nhà nước đóng BHYT theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật ban hành trước ngày 01/01/2025	72	KC	100%
21	Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm	14	HD	80%
22	Trẻ em dưới 6 tuổi, kể cả trẻ đủ 72 tháng tuổi mà trong năm đó chưa đến kỳ nhập học	30	TE	100%
23	Thân nhân của liệt sĩ, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	37	TS	100%

24	Thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng trừ đối tượng quy định tại điểm i khoản 3 Điều 12 Luật BHYT	37	TC	95%
25	Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng khác hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng và cá nhân có liên quan theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, trừ đối tượng quy định tại điểm i khoản 3 Điều 12 Luật BHYT	37	TG	95%
26	Người phục vụ người có công đang sống ở gia đình, bao gồm: người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Người phục vụ thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31/12/1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	37	PV	95%
27	Người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật	73	HG	80%
28	Người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam được cấp học bổng từ ngân sách của Nhà nước Việt Nam	0	LS	80%
29	Người thuộc hộ gia đình nghèo đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn	24	NK	100%
30	Người thuộc hộ gia đình nghèo không thuộc trường hợp được cấp mã NK	24	HN	100%
31	Người dân tộc thiểu số đang cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	79	DT	100%
32	Người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình cận nghèo đang cư trú tại xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	79	DC	100%
33	Người dân tộc thiểu số đang cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	79	KD	100%
34	Người không phải là người dân tộc thiểu số đang cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	79	DK	100%
35	Người đang sinh sống tại xã đảo, đặc khu	81	XD	100%
36	Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước	71	XN	80%
37	Người đã thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước	70	MS	80%
38	Người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; người đang hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng; người đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng mà thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội	89	BT	100%
39	Người từ đủ 75 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng; người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ cận nghèo đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	0	CT	100%
40	Người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật	44	LH	80%
41	Người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội đang trong thời gian hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định của pháp luật	0	LT	80%
42	Người dân các xã an toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp hoặc chống Mỹ hiện đang thường trú tại các xã an toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp hoặc chống Mỹ đã được cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú	61	AK	100%
43	Người được phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú thuộc hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người hàng tháng thấp hơn mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ mà không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, và 3 Điều 12 của Luật BHYT	86	ND	80%
IV	Nhóm được ngân sách Nhà nước hỗ trợ mức đóng			
44	Người thuộc hộ gia đình cận nghèo không thuộc trường hợp được cấp mã DC	74	CN	95%
45	Học sinh đang theo học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	29	HS	80%

46	Sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở dạy nghề thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	29	SV	80%
47	Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở	46	BA	80%
48	Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình áp dụng cho từng giai đoạn	76	GB	80%
49	Người thuộc hộ nghèo đa chiều không thuộc trường hợp được cấp mã đối tượng HN, NK	87	HK	95%
50	Nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản	47	YT	80%
51	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật	48	KT	80%
52	Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ	62	DS	95%
53	Người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hóa không thuộc trường hợp được cấp mã ND	49	NU	80%
54	Nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người	54	NM	80%
55	Nạn nhân bom mìn vật nổ sau chiến tranh theo quy định của Chính phủ mà không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, và 3 Điều 12 của Luật BHYT	55	NB	80%
V	Nhóm tự đóng BHYT			
56	Người thuộc hộ gia đình tham gia BHYT theo hình thức hộ gia đình	31	GD	80%
57	Người sinh sống và làm việc, người được nuôi dưỡng, chăm sóc trong các tổ chức, cơ sở từ thiện, tôn giáo	56	GT	80%
58	Người lao động trong thời gian nghỉ không hưởng lương hoặc tạm hoãn hợp đồng lao động	57	GH	80%
59	Người tự đóng BHYT mà không thuộc các trường hợp được cấp mã GD, GT, GH	58	GK	80%

Ghi chú: - Trường hợp người tham gia thuộc nhiều đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thì được hưởng quyền lợi bảo hiểm y tế theo đối tượng có quyền lợi cao nhất

- Khối thống kê của đơn vị được cán bộ trực tiếp lựa chọn tại màn hình Danh mục đơn vị khi thực hiện tạo mã đơn vị để phục vụ công tác quản lý, thống kê báo cáo.